

Lỗ hổng ủy thác đầu tư của các NHTM

Để lách các luật của NHNN, các NHTM làm “thủ thuật” ủy thác đầu tư vốn cho một công ty liên kết có chức năng đầu tư, điều này sẽ làm méo mó thị trường ngân hàng.

Ủy thác đầu tư là một nghiệp vụ thông thường của các doanh nghiệp (DN) và NHTM. Tuy nhiên, do phục vụ lợi ích một nhóm cổ đông lớn và nhằm lách các quy định an toàn vốn, trần lãi suất huy động cũng như hạn mức tăng trưởng tín dụng của NHNN, các DN và NHTM đang đẩy mạnh thực hiện nghiệp vụ này, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro lớn.

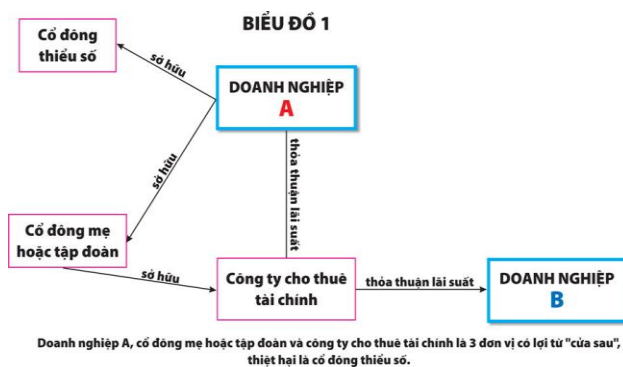
Tăng trưởng tín dụng bị bóp méo

Bản thân các NHTM không thể trực tiếp đẩy mạnh đầu tư cho vay vì bị NHNN khống chế quy định hạn mức tăng trưởng tín dụng trong suốt năm không quá 20%/năm, giảm tỷ trọng cho vay phi sản xuất xuống 22% vào ngày 30-6 và 16% vào cuối năm 2011.

Nếu các NHTM ủy thác vốn qua công ty con (công ty chứng khoán, công ty đầu tư tài chính, công ty cho thuê tài chính...) trực thuộc NH để những công ty con này đầu tư, cho vay hoặc gửi tiền ở NHTM khác cũng “không thoát”, vì khi thực hiện báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất NHNN sẽ phát hiện.

Vì vậy, để tránh NHNN “soi”, các NHTM làm “thủ thuật” ủy thác đầu tư vốn cho một công ty có chức năng đầu tư (có thể là công ty liên kết - CTLK: cổ đông lớn của NH cũng là cổ đông lớn của CTLK). Bởi trên BCTC của NHTM, hợp đồng ủy thác vốn cho CTLK sẽ không hạch toán vào tiền gửi hoặc cho vay, mà hạch toán vào “tài sản có khác” hoặc “các khoản phải thu khác”.

Nhận vốn ủy thác từ NHTM, CTLK tiêu vốn qua 3 cửa:



Thứ nhất, gửi tiền (hoặc cho vay) tại các NHTM nhỏ với lãi suất thỏa thuận (thường là 16-22%/năm). Theo quy định của NHNN, các NHTM “yếu thế” muốn huy động vốn trên thị trường liên NH (chủ yếu để giải quyết thanh khoản) không được quá 20% vốn trên thị trường dân cư (thị trường 1). Do vậy với cửa cho vay thông qua CTLK, các NHTM “yếu” có thể lách được quy định này.

Thứ hai, các CTLK nhận vốn ủy thác từ NHTM đem cho vay đầu tư chứng khoán. Để tránh rủi ro, CTLK sẽ yêu cầu nhà đầu tư mở tài khoản đầu tư và giao dịch tại CTCK (trực thuộc NHTM) để CTCK có thể quản lý được dòng vốn cho vay đầu tư chứng khoán.

Thứ ba, CTLK cho các DN vay, điều này giúp NHTM có thể lách được tăng trưởng tín dụng không quá 20% của NHNN.

Nhưng thông thường dòng vốn này chủ yếu vào các DN nằm trong “group” công ty con, có mối quan hệ “anh em” với cổ đông lớn của NHTM. Dòng vốn này không chỉ cho vay sản xuất mà tiếp tục tham gia vào thị trường bất động sản hoặc hoàn trả NH nhằm giảm tỷ trọng tăng trưởng tín dụng theo quy định của NHNN.

Như vậy, với cửa này các NHTM có thể “lách” được quy định hạn chế cung cấp tín dụng của một tổ chức tín dụng (TCTD) với các công ty có mối quan hệ thành viên HĐQT, ban tổng giám đốc NHTM (Luật TCTD có hiệu lực từ năm 2011).

Trong 5 tháng đầu năm, mức tăng trưởng tín dụng của hệ thống chỉ đạt 7%, điều này có nghĩa hạn mức tăng trưởng này còn khá cao cho những tháng cuối năm. Vậy tại sao các NHTM không nỗ lực gia tăng mà thực hiện ủy thác đầu tư vốn? Phải chăng, lượng tín dụng phi sản xuất của các NHTM này chiếm một tỷ trọng lớn và cũng là lĩnh vực hoạt động chính của NHTM.

Nếu điều này xảy ra, các NHTM thực hiện ủy thác đầu tư vốn nhằm giúp “trá hình” giảm tỷ trọng tín dụng phi sản xuất theo yêu cầu của NHNN. Cách thức này không thể giúp NHNN đạt được mục tiêu quản trị tín dụng phi sản xuất cũng như tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế nhằm thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát

Khó phát hiện trên BCTC

Việc đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng qua hợp đồng ủy thác đầu tư không chỉ làm tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế bị bóp méo, mà thực tế đang tiềm ẩn một nguy cơ rủi ro lớn cho hệ thống NHTM, trong đó tín dụng “group” (cho vay các công ty có mối quan hệ gia đình) là điều cấm kỵ đã được NHNN ngăn chặn trong Luật TCTD vẫn diễn ra âm thầm ở các NHTM.

Không ai dám chắc quá trình giám sát khi bơm vốn đầu tư chứng khoán thông qua CTCK trực thuộc NH là an toàn, không xảy ra tình trạng khách hàng vay vốn đầu tư chứng khoán thua lỗ, bị âm tài khoản để rồi không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.



Lợi ích thông qua CTLK, nếu có, khó đem về hết cho NHTM để cổ đông được hưởng, mà chủ yếu rơi vào túi riêng của nhóm lợi ích khác, trong khi NHTM thực hiện nghiệp vụ ủy thác đầu tư phải chịu rủi ro về vốn.

Hiện nay, các hợp đồng ủy thác đầu tư vốn cho các CTLK được NHTM hạch toán vào các khoản “phải thu khác” và “tài sản có khác”. Nhưng để tránh bị phát hiện hầu hết tài khoản có giá trị lớn được hạch toán ở khoản này đều không được thuyết minh trong BCTC, nếu có thuyết minh cũng rất hời hợt và không chi tiết.

Do vậy, nhà đầu tư và cơ quan quản lý khó có thể biết được nguồn gốc rõ ràng của các “khoản phải thu” và “tài sản có” khác này.

Bật lố hồng ủy thác đầu tư - ThS. Lê Đạt Chí, Trường Đại học Kinh tế TP HCM

Để ngăn chặn rủi ro từ hoạt động ủy thác đầu tư, Thanh tra NHNN nên thường xuyên kiểm tra các khoản tài sản đi ngoài chính thống, theo đó yêu cầu các NHTM phải thuyết minh rõ ràng để nhà đầu tư và NHNN có thể giám sát.

Thực tế ở nước ngoài khi kiểm toán các định chế tài chính, hoạt động kiểm toán rất khắt khe với nội dung này. Các đơn vị kiểm toán độc lập khi phát hiện có khoản ủy thác vốn không chính thống sẽ ghi ra cụ thể, nếu là nguy cơ sẽ cảnh báo rủi ro. Ở một số thị trường phát triển còn quy định NH chỉ được ủy thác đầu tư cho công ty con trực thuộc NH để cơ quan quản lý có thể giám sát chặt chẽ thông qua báo cáo hợp nhất của NH.

Gần đây Thanh tra NHNN phát hiện nhiều NHTM đẩy mạnh mua trái phiếu DN và đầu tư vào các tài sản có khác chiếm một giá trị lớn. Điều này đã được Thanh tra NHNN cảnh báo đây là những khoản đầu tư tiềm ẩn rủi ro lớn. Chính vì vậy, NHNN phải nhanh chóng chặn dòng vốn

ủy thác đầu tư không chính thống này để những mục tiêu lớn trong điều hành kinh tế đạt được những kết quả như kỳ vọng.

Theo **Mai Thảo**
Sài gòn đầu tư

Siết hoạt động đầu tư của ngân hàng -

Tác giả: Thủy Triều

Bài đã được xuất bản.: 09/08/2011 06:00 GMT+7

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa đưa ra dự thảo lần thứ hai của thông tư hướng dẫn điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng. Dự thảo lần này quy định kỷ lưỡng và có phần chặt chẽ hơn về điều kiện để các ngân hàng góp vốn mua cổ phần dưới dạng công ty liên doanh, liên kết, hoặc dưới dạng danh mục đầu tư.

Nhiều quy định hơn

Theo dự thảo thông tư, tổ chức tín dụng muốn mua cổ phần của một công ty theo hình thức công ty con, công ty liên kết phải được sự chấp thuận của NHNN. Mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng tại một công ty con, công ty liên kết không được vượt quá 15% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của tổ chức tín dụng đó.

Theo NHNN, điều kiện này nhằm đảm bảo số vốn góp tại một công ty con, công ty liên kết chiếm tỷ trọng không quá lớn so với vốn điều lệ và các quỹ của tổ chức tín dụng, đảm bảo đa dạng hóa rủi ro cho tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu của tổ chức tín dụng muốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết phải dưới 3% so với tổng dư nợ trong vòng một năm trước thời điểm đăng ký. Tổ chức tín dụng phải đảm bảo duy trì mức vốn pháp định, sau khi đã trừ khỏi vốn điều lệ phần vốn góp, vốn cổ phần tại công ty con, công ty liên kết, bao gồm cả phần góp vốn, mua cổ phần đang đề nghị được chấp thuận.

Việc kiểm soát và hạn chế các ngân hàng thương mại thành lập công ty con, công ty liên kết là cần thiết để tránh tình trạng thông qua công ty liên kết lách luật cho vay nội bộ lẫn nhau.

Điều này cũng giúp cho hệ thống ngân hàng tránh được tình trạng rủi ro khi đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh khác.

Tổng tài sản của tất cả các công ty con và công ty liên kết không được vượt quá 45% tổng tài sản (trên cơ sở hạch toán hợp nhất) của tổ chức tín dụng. Điều kiện này, theo NHNN là nhằm hạn chế việc tổ chức tín dụng hoạt động cầm chừng và chỉ chủ yếu hoạt động thông qua việc phân tán ra các công ty con trong khi thực chất tổ chức tín dụng chỉ là vỏ bọc.

Nếu đầu tư vào doanh nghiệp khác theo hình thức danh mục vốn, tức đầu tư tài chính, tổng các khoản đầu tư theo danh mục vốn của tổ chức tín dụng cũng không được vượt quá 15% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của tổ chức tín dụng

theo dự thảo trên.

Theo dự thảo thông tư, hồ sơ trình NHNN chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng, ngoài việc thể hiện đã đáp ứng các điều kiện đối với từng hình thức góp vốn, mua cổ phần tương ứng, còn phải có đề án góp vốn, mua cổ phần với những thông tin cơ bản, tối thiểu về việc góp vốn, mua cổ phần mà tổ chức tín dụng dự kiến thực hiện.

Theo đó, tổ chức tín dụng phải chứng minh được khả năng nâng cao sức cạnh tranh và khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng sau khi góp vốn, mua cổ phần tác động. Ngoài ra còn phải chứng minh hiệu quả dự kiến của việc góp vốn, mua cổ phần đối với tổ chức tín dụng, các vấn đề về bảo đảm an toàn hoạt động và quản lý rủi ro đối với tổ chức tín dụng...

Vẫn còn kẽ hở

Lãnh đạo một ngân hàng cho rằng chủ yếu các ngân hàng nhỏ bị ảnh hưởng do vốn ít, nên tăng vốn bằng cách phát hành cổ phần cũng không dễ dàng trong năm nay. Trong khi đó, với hầu hết các ngân hàng lớn có vốn điều lệ lẫn vốn chủ sở hữu lớn thì việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập một công ty con, công ty liên kết có vốn điều lệ từ 100-300 tỉ đồng không khó.

Hầu hết các ngân hàng nhỏ trong đại hội cổ đông đầu năm 2011 đều xin ý kiến cổ đông cho phép lập thêm các công ty con, công ty liên kết như công ty quản lý tài sản, công ty tài chính... Đây là một cách để các ngân hàng có thể cho vay thông qua các công ty con của mình và tránh vi phạm trần tăng trưởng tín dụng 20%, vốn bị các ngân hàng nhỏ cho là ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của mình trong năm nay.

Theo một chuyên gia trong ngành, việc kiểm soát và hạn chế các ngân hàng thương mại thành lập công ty con, công ty liên kết là cần thiết để tránh tình trạng thông qua công ty liên kết lách luật cho vay nội bộ lẫn nhau. Điều này cũng giúp cho hệ thống ngân hàng tránh được tình trạng rủi ro khi đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh khác.

Việc hạn chế tổng tài sản của các công ty con, công ty liên kết không quá 45% tổng tài sản của tổ chức tín dụng sẽ giúp NHNN hạn chế được các ngân hàng thương mại thông qua công ty con, công ty liên kết đẩy vốn cho vay làm méo mó thị trường tín dụng (khi trên danh nghĩa mức góp vốn của ngân hàng thì nhỏ nhưng thực tế vốn thực góp thông qua công ty liên kết sẽ lớn).

Ông Lê Thẩm Dương, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh của trường Đại học Ngân hàng, cho rằng việc đưa ra những quy định trên cũng giúp giảm bớt sự ỷ lại về tài chính của các công ty đối với những cổ đông của mình. Các công ty này cần tiếp xúc và huy động vốn từ nhiều nguồn khác bên ngoài. Bên cạnh đó, nhiều ngân hàng đầu tư dàn trải ra quá nhiều ngành, đôi khi vượt quá trình độ quản trị của mình. Dự thảo thông tư ra đời nhằm siết các hoạt động đầu tư này phát triển thái quá, cũng là một cách để bảo vệ nền kinh tế, ông Dương nói.

Tuy nhiên, hạn chế được tình trạng này không phải dễ bởi các ngân hàng vẫn có thể lách bằng cách thông qua mối quan hệ với các cổ đông lớn và các nhóm đầu tư để thành lập công ty liên kết.

Cũng theo một chuyên gia, không có một chính sách nào có thể ngăn chặn tất cả các chiêu lách của các ngân hàng thương mại, nhưng thông tư mới sẽ giúp hoàn thiện hệ thống pháp luật, củng

cổ sự an toàn cho hệ thống ngân hàng cũng như phát đi thông điệp từ phía cơ quan quản lý là sẽ đề mất đến vấn đề góp vốn mua cổ phần ở các tổ chức tín dụng.

Theo NHNN, hình thức công ty con (trong đó, ngân hàng con là một hình thức công ty con) là tổ chức tín dụng góp vốn với tỷ lệ lớn, sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp nhận vốn góp, thậm chí là 100%, có quyền chi phối toàn bộ đối với công ty con.

Công ty liên kết là hình thức mà tổ chức tín dụng có mức sở hữu vốn từ trên 11-50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp nhận vốn góp nhưng trong nhiều trường hợp lại không nắm quyền kiểm soát.

Hình thức đầu tư danh mục vốn là hình thức tổ chức tín dụng sở hữu mức vốn góp với một tỷ lệ từ 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp nhận vốn góp trở xuống. Hạng mục tài sản này của tổ chức tín dụng thường xuyên có biến động, do vậy, điều kiện ràng buộc đối với loại hình góp vốn, mua cổ phần này không phức tạp như hai hình thức trên.

Theo dự thảo thông tư, trong thời hạn tối đa 40 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng theo quy định tại dự thảo thông tư này, NHNN phải có văn bản trả lời tổ chức tín dụng.

Theo TBKTSG